TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 4 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Bằng.

Ông Lê Thanh Hiện.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 862/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1994.

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/02/2024 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2016 anh T và chị L tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 23/3/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2016). Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Bảo N, sinh 11/6/2016 (Chị L đang nuôi dạy). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh T yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dạy, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân anh T và chị L không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập các bên 02 lần để tham gia hoà giải, nhưng chị L đều không đến và anh T thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với chị L, nên có căn cứ xác định được anh T và chị L không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2016 ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã L hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy cháu đang được chị L nuôi dạy và sau khi ly hôn anh T cũng thống nhất giao cháu cho chị L tiếp tục nuôi dạy. Do đó, cần tiếp tục giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị L; nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản (lương cơ bản hiện nay 1.800.000 đồng), đồng thời để điều kiện tốt về tài chính cho chị L đảm bảo hơn trong việc chăm lo cho cháu N, nên mức cấp dưỡng anh T tự nguyện là phù hợp và cần ghi nhận buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ và xem xét phần tài sản chung giữa anh T và chị L. Do đó, cần tách phần tài sản chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn T ly hôn với chị Trịnh Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2016 ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dạy cháu Lê Bảo N, sinh 11/6/2016. Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị L; nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Bảo N, sinh 11/6/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 02/4/2024. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày chị Trịnh Thị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lê Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì anh Lê Văn T còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng, anh Lê Văn T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004257 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ, số tiền án phí anh Lê Văn T phải nộp tiếp là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải